|  |
| --- |
| *Ngày hiệu lực: 13/02/2017*  *Mẫu:QP-74-02-F4* |

**CÔNG TY CP SỮA VIỆT NAM**

KHỐI: Khối Chuỗi cung ứng

PHÒNG/ĐƠN VỊ: Phòng Mua hàng

Số:

**TỜ TRÌNH DUYỆT GIÁ VÀ CHỌN NCC HÀNG HÓA**

1. **Căn cứ:**

1. **Thông tin và số lượng cần mua**:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã hàng hoá** | **Tên hàng hoá** | **Số lượng** | **Dung sai (+/- %)** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

1. **Thời gian thực hiện**:
2. **Phương thức lựa chọn NCC:**

Chào giá cạnh tranh – chào giá kín Chào giá cạnh tranh – chào giá mở

Chỉ định NCC Mua sắm trực tiếp

Lý do:

1. **Kết quả chào giá (chưa bao gồm VAT):**

**5.1 NVL nhập khẩu khác:**

Tiền tệ: USD

Tỷ giá đề nghị ký hợp đồng: 22.680

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Mã** | **Tên hàng hoá** | **Đvt** | **Giá mua lần trước, có thuế NK** | **NCC** | **Lần chào đầu (Cảng HCM)** | | | **Lần chào cuối (Cảng HCM)** | | | | | **Giá đề nghị ký hợp đồng (Cảng HCM)** | | **Ghi chú** |
| Giá CIF | Thuế NK (%) | Giá có thuế NK | Giá CIF | Thuế NK (%) | Giá có thuế NK | Giá nhập cửa kho | Số lượng chào lần cuối | Giá CIF | Giao cửa kho |
| 1 | A1 | Vật liệu ABC | Kg | 100 | NCC A | 90 | 2 | 91.8 | 95 | 2 | 97 | 100 | 10 | 97 | 100 |  |

Ghi chú:

………………

**5.2 Đề nghị của Bộ phận phụ trách:** Đề nghị được mua theo bảng dưới đây:

Tiền tệ: USD

Tỷ giá đề nghị ký hợp đồng: 22.680

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã hàng hoá** | **Tên hàng hoá** | **Đvt** | **Số lượng mua** | **Nhà cung cấp** | **Đơn giá đề nghị ký hợp đồng** | **Tỷ lệ (%)**  **(\*)** | **Nơi giao**  **(\*\*)** | **Lý do phân bổ**  **(\*\*\*)** | **Số hợp đồng** | **Ghi chú** |
| T00704 | Baird Parker Agar | Kg | ……… | NCC A | 100 | ……… | ……………. | ………….. | ……… | ……… |

Giải thích lý do chọn NCC trên:

Do giá thấp nhất

Không chọn NCC có giá thấp nhất do: Không chọn NCC B vì thời gian giao hàng quá sớm so với nhu cầu

Ghi chú:

* (\*) Phân chia tỷ lệ chỉ áp dụng cho hợp đồng Blanket.
* (\*\*) Nơi giao: A - Cửa kho Vinamilk / B - Cảng tại Việt Nam.
* (\*\*\*) Lý do phân bổ giữa các nhà NCC là:

a. Giá chào lần đầu thấp nhất b. Chất lượng phục vụ c. Lịch sử mua hàng

d. Năng lực sản xuất e. NCC mới f. Khác: ………………………….

So sánh giá:

Giá cao hơn lần mua trước Giá bằng/thấp hơn lần mua trước Giá mua lần đầu

Giá cao hơn giá KH Giá bằng/thấp hơn giá KH

Tổng giá trị hàng hoá được mua: 5.000 USD

Chi phí khác: 100 USD

Bao gồm: Chi phí vận chuyển, bốc xếp

Tổng giá trị trúng thầu: **5.100 USD**

Tổng giá trị trúng thầu quy đổi: 115.668.000 VNĐ

Giá tham khảo trên thị trường: 3.203 USD/mt FAS, ứng với 3.350 USD/mt CIF HC

Nguồn tham khảo: giá GDT ngày 05/4/16 của dầu bơ khan

1. **Kết quả kiểm tra xung đột lợi ích:**

Có biểu hiện xung đột lợi ích Không có biểu hiện xung đột lợi ích

Không thuộc phạm vi kiểm tra xung đột lợi ích

1. **Phân công tổ chức ký kết hợp đồng:**

Có ký kết hợp đồng Không ký kết hợp đồng

Công ty Vinamilk ký hợp đồng Giao cho đơn vị ký hợp đồng

Ðại diện ký kết hợp đồng:

Cấp thẩm quyền ký hợp đồng Giao cho Người được ủy quyền ký hợp đồng.

Cấp được uỷ quyền ký hợp đồng (nếu có 2 người trở lên): ……………….

Ngày ..... tháng ...... năm 20......

**Phê duyệt Xem xét Đề xuất**

***Ghi chú****: Các thông tin phê duyệt trên đây đã được thực hiện trên hệ thống* ***Vinamilk eOffice*** *bằng chữ ký điện tử.*

*Bản in này chỉ mang giá trị tham khảo tính đến thời điểm bản in được in. Các thông tin cập nhật mới nhất về biểu*

*mẫu này đều nằm trên hệ thống* ***Vinamilk eOffice.***